

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 256/2020/DS-PT

Ngày: 23 - 11 - 2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán:

Bà Châu Minh Hoàng

Ông Nguyễn Trọng Quế

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2020/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Tuyết Nh - Sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Tuyết Nh : Anh Phan Khánh D – sinh năm 1993 (Theo giấy ủy quyền ngày 19/3/2019, có mặt).

Địa chỉ cư trú: số 122-124 L g, ấp B, xã L, thành phố C.

- Bị đơn: Bà Lâm Thị Quỳnh D (Huỳnh G), sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà D : Luật sư Trần Hoàng Ph – Văn phòng Luật sư Trần Hoàng Ph thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Bình Ph, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Lâm Thị Quỳnh D (Huỳnh G) – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/10/2018, chị Nguyễn Tuyết Nh trình bày: Vào ngày 25/4/2016 âm lịch, bà Lâm Thị Quỳnh D có vay của chị Nh số tiền 50.000.000 đồng, khi vay bà D có viết giấy nợ. Thời hạn vay là 12 tháng. Lãi suất do hai bên thỏa thuận là 50.000 đồng/ngày.

Đến ngày 05/5/2016 âm lịch, bà D tiếp tục vay số tiền 15.000.000 đồng, khi vay bà D không có viết giấy nợ. Thời hạn vay là 12 tháng. Lãi suất do hai bên thỏa thuận là 15.000 đồng/ngày.

Từ khi vay nợ đến nay, bà D không thực hiện việc trả lãi và trả vốn cho chị Nh theo như thỏa thuận. Tính lãi trên số tiền 50.000.000 đồng vay vào ngày 25/4/2016 âm lịch là 34.400.000 đồng. Tính lãi trên số tiền 15.000.000 đồng vay vào ngày 05/5/2016 âm lịch là 10.320.000 đồng.

Chị Nh yêu cầu bà D trả tổng số tiền nợ vốn và lãi là 109.720.000 đồng.

Tại Biên bản làm việc ngày 22/11/2019, chị Nh rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 26/4/2019 đối với số tiền 15.000.000 đồng và tiền lãi đối với khoản tiền vay này là 10.320.000 đồng, chỉ yêu cầu trả số tiền nợ vay là 50.000.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm là 39.987.500 đồng.

Theo bà Lâm Thị Quỳnh D (Huỳnh G) trình bày: Bà D thừa nhận vào năm 2016, bà có vay tiền của chị Nh nhiều lần nhưng không nhớ thời gian cụ thể và số tiền mỗi lần là bao nhiêu. Đến tháng 5/2016 dương lịch, giữa bà D và chị Nh có kết nợ với nhau, khi đó bà D còn nợ chị Nh số tiền 50.000.000 đồng và bà D có viết biên nhận nợ đưa cho chị Nh . Sau đó 03 ngày thì bà D đã trả toàn bộ số tiền trên cho chị Nh , chị Nh không có tính lãi. Khi trả tiền thì chị Nh có đưa lại biên nhận cho bà D , việc trả nợ diễn ra giữa hai người không có ai chứng kiến. Đối với Giấy nợ ngày 25/4/2016 âm lịch do chị Nh cung cấp cho Tòa án không phải do bà D viết và ký tên.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D cho rằng căn cứ quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì thời hiệu khởi kiện của vụ án là không còn và yêu cầu khởi kiện của chị Nh là không có căn cứ vì bà D đã trả nợ xong. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phía bị đơn.

Đối với ông Nguyễn Bình Ph đã được Tòa án Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Ph đều vắng mặt. Tòa án tiếp tục triệu tập ông Ph đến Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm

nhưng ông Ph đều vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C tiến hành xét xử vắng mặt ông Ph theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2020/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định: Căn cứ: Các Điều 26; 35; 39; 147, 227, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Tuyết Nh đối với bà Lâm Thị Quỳnh D và ông Nguyễn Bình Ph về khoản nợ vay với số tiền 15.000.000 đồng, tiền lãi là 10.320.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Tuyết Nh đối với bà Lâm Thị Quỳnh D và ông Nguyễn Bình Ph .

Buộc bà Lâm Thị Quỳnh D và ông Nguyễn Bình Ph có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Tuyết Nh số tiền 89.987.500 đồng (Tám mươi chín triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Buộc bà Lâm Thị Quỳnh D và ông Nguyễn Bình Ph có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Tuyết Nh số tiền trung cầu giám định chữ ký chữ viết là 5.060.000 đồng (Năm triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25/8/2020, bà Lâm Thị Quỳnh D kháng cáo với nội dung: Về thời hiệu khởi kiện đã hết, quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm không nhận được kết luận giám định, vi phạm quy định thu thập, công khai chứng cứ và cách tính lãi của cấp sơ thẩm là không đúng. Yêu cầu hủy án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà D .

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bà D trình bày các nội dung kháng cáo như về thời hiệu, cách tính lãi và đề nghị giám định lại vẫn giữ nguyên, chỉ thay đổi không yêu cầu hủy án, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nh .

Xét kháng cáo về thời hiệu khởi kiện không còn: Tại Điều 429 Bộ luật Dân sự quy định: *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”*. Theo bản án sơ thẩm nhận định “Tại đơn khởi kiện ngày 16/10/2018 kèm theo giấy nợ, bà Nh cho rằng vào ngày 25/4/2016 âm lịch, bà Lâm Thị Quỳnh D có vay của bà Nh số tiền 50.000.000 đồng, khi vay bà D có viết giấy nợ. Thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 50.000 đồng/ngày, từ khi vay tiền đến nay bà D không thực hiện nghĩa vụ trả lãi và vốn cho bà theo thỏa thuận. Đến ngày 23/10/2018, bà Nh khởi kiện bà D và ông Ph đến Tòa án nhân dân huyện C và được Tòa án thụ lý giải quyết vào ngày 23/10/2018. Do đó, việc khởi kiện của bà Nh đối với bà D , ông Ph là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự” nhận định của cấp sơ thẩm là có căn cứ.

Xét phía luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D tranh luận xác định căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự quy định *“Giao dịch dân sự đang được thực hiện mà có nội dung, hình thức khác với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11”* thì áp dụng thời hiệu của Bộ luật dân sự năm 2005 là 02 năm, nên vụ việc này chị Nh khởi kiện là hết thời hiệu. Tranh luận của Luật sư là không có cơ sở vì theo quy định trên nêu rõ giao dịch dân sự có nội dung và hình thức khác với quy định của Bộ Luật dân sự năm 2015 thì mới áp dụng các điều khoản của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết còn về thời hiệu thì cũng quy định rõ tại điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 cụ thể: *“Thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật này”*.

[2] Xét kháng cáo về việc công khai kết quả giám định: Theo khoản 5 Điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự quy định *“Việc giám định lại được thực hiện trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết luận giám định lần đầu không chính xác, có vi phạm pháp luật...”*. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà D không yêu cầu giám định lại khi được Hội đồng xét xử công bố kết quả giám định và cũng không có ý kiến gì về việc giám định không khách quan. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D chỉ đặt ra vấn đề do không nhận được kết quả giám định nên yêu cầu được giám định lại, không

chứng minh được kết quả giám định không chính xác hoặc có vi phạm pháp luật. Luật sư tranh luận do không nhận được kết luận giám định nên không biết rõ kết quả giám định sai phạm vấn đề gì. Vấn đề này luật sư của bà D cũng như bà D có quyền kiểm tra lại kết luận giám định trong quá trình thực hiện thủ tục giải quyết tại cấp phúc thẩm nhưng phía bà D cũng không thực hiện. Theo quy định nêu trên, không có cơ sở chấp nhận xem xét giám định lại theo yêu cầu của bà D cũng như tranh luận của Luật sư

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm Bà D cũng thừa nhận vào năm 2016, bà D có vay của bà Nh nhiều lần nhưng không nhớ mỗi lần là bao nhiêu tiền, vay vào ngày tháng năm nào. Đến tháng 5 năm 2016 dương lịch, giữa bà và bà Nh có kết nợ với nhau thì bà còn nợ bà Nh 50.000.000 đồng và bà có viết giấy nợ cho bà Nh. Tuy nhiên, bà D xác định đã thanh toán nợ cho bà Nh nhưng bà Giao không chứng minh được, bà Nh xuất trình giấy nhận nợ của bà D, kết quả giám định kết luận chữ ký và chữ viết của bà D nên có căn cứ xác định bà D nợ bà Nh 50.000.000 đồng.

Từ khi vay tiền đến nay, bà D và ông Ph chưa đóng lãi cho bà Nh nên việc bà Nh yêu cầu bà Giao và ông Ph trả lãi trên số tiền vốn 50.000.000 đồng là có căn cứ. Về lãi suất phía bà D và Luật sư tranh luận cần áp dụng Thông tư số 39/2016/TT-NNHN của Ngân hàng Nhà nước để tính lãi suất. Xét giao dịch hợp đồng vay giữa bà D và chị Nh là giao dịch dân sự nên căn cứ theo quy định của Bộ luật dân sự để xem xét giải quyết, không thể áp dụng các quy định hướng dẫn đối với huy động vốn của Ngân hàng trong lĩnh vực kinh doanh để giải quyết. Do đó, cách tính lãi suất của cấp sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Như phân tích trên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà D phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005. Các Điều 357, 463, 466, 468; 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lâm Thị Quỳnh Gi. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 73/2020/DS-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện C.

Buộc bà Lâm Thị Quỳnh D và ông Nguyễn Bình Ph có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Tuyết Nh số tiền 89.987.500 đồng (Tám mươi chín triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Buộc bà Lâm Thị Quỳnh D và ông Nguyễn Bình Ph có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Tuyết Nh số tiền trung cầu giám định chữ ký chữ viết là 5.060.000 đồng (Năm triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Nh có đơn yêu cầu thi hành án, ông Ph và bà D không thi hành khoản tiền nêu trên thì ông Ph và bà D phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Bình Ph và bà Lâm Thị Quỳnh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.499.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C khi án có hiệu lực pháp luật. Bà Nguyễn Tuyết Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Nh có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.743.000 đồng (Hai triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004861 ngày 23/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Bà Nh được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí nêu trên tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C khi án có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm bà Lâm Thị Quỳnh D phải chịu 300.000 đồng. Bà D đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005683 ngày 01/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được chuyển thu.

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện C ;
- Chi cục THADS huyện C ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Hải Hà